

Số: /TB-TQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐỢT 2 NĂM 2023**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (MFM)**  
**DO ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CẤP BẰNG**

**I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chuyên ngành đào tạo: **Quản trị tài chính**

Thời gian đào tạo: 24 tháng, gồm 16 tháng học trên lớp (học ngoài giờ hành chính) và 8 tháng làm báo cáo thực tập và luận văn tốt nghiệp.

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt & Tiếng Anh

Văn bằng: Học viên tốt nghiệp được Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng **Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính**

Chỉ tiêu tuyển sinh: 15 học viên/năm

Văn bản pháp lý: Quyết định số 218/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Giám đốc ĐHQGHN về việc phê duyệt Đề án mở chương trình đào tạo chất lượng cao theo đặc thù đơn vị đào tạo trình độ thạc sĩ.

Nội dung đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	<b>65 tín chỉ</b>
Trong đó:	
- Khối kiến thức chung:	<b>8 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	<b>44 tín chỉ</b>
+ Bắt buộc	24 tín chỉ
+ Tự chọn	20 tín chỉ
- Khối kiến thức tốt nghiệp:	<b>13 tín chỉ</b>
+ Thực tập thực tế	4 tín chỉ
+ Luận văn tốt nghiệp	9 tín chỉ

Khung chương trình:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Tổng	Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung (8 tín chỉ)</b>							
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	60	0		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Tổng	Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
2	INS5001	Tiếng Anh chuyên ngành <i>English for specific purposes</i>	4*[1]	60	20	40		
<b>II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (44 tín chỉ)</b>								
<b>II.1. Khối kiến thức cơ sở (20 tín chỉ)</b>								
<i>Các học phần bắt buộc (12 tín chỉ)</i>								
3	INS6001	Phân tích kinh tế <i>Economic Analysis</i>	4	60	45	15		
4	INS6002	Tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Corporate Finance</i>	4	60	30	30		
5	INS6003	Lí thuyết tổ chức và quản trị <i>Organization and Management Theories</i>	4	60	40	20		
<i>Các học phần lựa chọn (8/24 tín chỉ)</i>								
6	INS6004	Các phương pháp định lượng trong Quản trị và Tài chính <i>Quantitative Methods in Management and Finance</i>	4	60	30	30		
7	INS6005	Kế toán quản trị <i>Management Accounting</i>	4	60	30	30		
8	INS6006	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	4	60	40	20		
9	INS6007	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	4	60	40	20		
10	INS6008	Lãnh đạo <i>Leadership</i>	4	60	40	20		
11	INS6009	Marketing dịch vụ <i>Services Marketing</i>	4	60	40	20		
<b>II.2. Khối kiến thức chuyên ngành (24 tín chỉ) *[2]</b>								
<i>Các học phần bắt buộc (12 tín chỉ)</i>								

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Tổng	Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
12	INS7001	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>Investment Analysis &amp; Portfolio Management</i>	4	60	30	30		
13	INS7002	Hoạch định và quản trị chiến lược <i>Strategic Planning and Management</i>	4	60	40	20		
14	INS7003	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	4	60	40	20		
<b>Các học phần lựa chọn (12/28 tín chỉ)</b>								
15	INS7004	Thị trường và các tổ chức trung gian tài chính <i>Financial Markets and Institutions</i>	4	60	30	30		
16	INS7005	Thuế doanh nghiệp <i>Corporate Taxation</i>	4	60	40	20		
17	INS7006	Tài chính phái sinh <i>Financial Derivatives</i>	4	60	30	30		
18	INS7007	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp <i>Mergers &amp; Acquisitions</i>	4	60	40	20		
19	INS7008	Kiểm soát quản trị <i>Corporate Governance</i>	4	60	40	20		
20	INS7009	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Financial Management</i>	4	60	30	30		
21	INS7010	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	4	60	40	20		
<b>III. Khối kiến thức tốt nghiệp (13 tín chỉ)</b>								
22	INS7101	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	4	60		60		
23	INS7100	Luận văn tốt nghiệp <i>Dissertation</i>	9	135		135		
<b>Tổng</b>			<b>65</b>					

**Ghi chú:**

(\*) 06 học phần thuộc Khối kiến thức chuyên ngành (mục III) gồm 03 học phần bắt buộc và 03/07 học phần lựa chọn được giảng dạy bằng tiếng Anh. Các học phần còn lại giảng dạy bằng tiếng Việt.

**II. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ HỌC PHÍ**

**1. Điều kiện tuyển thẳng**

**1.1. Điều kiện về văn bằng đại học**

Tốt nghiệp đại học chính quy loại Giỏi các ngành phù hợp, bao gồm Tài chính - Ngân hàng, Kinh doanh quốc tế (định hướng tài chính), Kế toán - Phân tích - Kiểm toán trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

**1.2. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh)**

Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ (quy định tại mục 2.3 của Thông báo này) tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

**1.3. Quy định về điểm thưởng**

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

+ Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.

+ Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm.

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

**2. Điều kiện xét tuyển:**

**2.1. Điều kiện về văn bằng đại học**

- Tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bổ sung kiến thức từ 02 đến 07 học phần (tương đương với 6 đến 21 tín chỉ) của Trường Quốc tế (chi tiết theo thông báo riêng) hoặc các cơ sở đào tạo khác tùy theo chuyên ngành đào tạo.

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp bao gồm: ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, và nhóm ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng cần học bổ sung các học phần tương ứng từng chuyên ngành như dưới đây:

+ Ứng viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh chỉ được dự tuyển sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 02 học phần (06 tín chỉ):

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế tiền tệ - Ngân hàng	3
2	Tài chính doanh nghiệp	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6</b>

+ Ứng viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng hoặc nhóm ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng chỉ được dự tuyển sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 02 học phần (06 tín chỉ):

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Quản trị học	3
2	Nguyên lí marketing	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6</b>

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp thuộc các nhóm ngành: Kinh tế học - không có định hướng chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng bao gồm Kinh tế, Kinh tế quốc tế; Kinh doanh bao gồm Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại; Kế toán - Kiểm toán bao gồm Kế toán, Kiểm toán; Quản trị - Quản lý bao gồm Quản trị nhân lực, Khoa học quản lý, Hệ thống thông tin quản lý) chỉ được dự tuyển sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 04 học phần (12 tín chỉ):

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nguyên lí Marketing	3
2	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3
3	Quản trị học	3
4	Tài chính doanh nghiệp	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp khác bao gồm: Quản lý xây dựng, Công nghệ thông tin, Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh) chỉ được dự tuyển sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 07 học phần (21 tín chỉ):

<b>STT</b>	<b>Học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>1</b>	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3
<b>2</b>	Quản trị học	3
<b>3</b>	Tài chính doanh nghiệp	3
<b>4</b>	Kinh tế vi mô	3
<b>5</b>	Nguyên lý kế toán	3
<b>6</b>	Nguyên lý marketing	3
<b>7</b>	Kinh tế vĩ mô	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21</b>

**Ghi chú:** Ứng viên thuộc diện phải học bổ túc kiến thức được miễn các học phần đã học ở bậc đại học có số tín chỉ tương đương (thể hiện trong bảng điểm).

### **2.2. Điều kiện về kinh nghiệm công tác**

Đối với ứng viên tốt nghiệp ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự tuyển, yêu cầu có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc và lĩnh vực chuyên môn phù hợp (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày xét tuyển);

Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp hoặc ngành gần với chuyên ngành đăng kí dự tuyển được miễn yêu cầu này.

### **2.3. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh)**

Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam khi bắt đầu học các học phần chuyên môn (Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành). Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển với điều kiện thí

sinh có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (đủ 4 kỹ năng) để xét và công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (chứng chỉ ngoại ngữ gửi kèm hồ sơ đăng ký dự tuyển).

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận (phụ lục 1 và phụ lục 2).

\* **Ghi chú:** Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

### 3. Hồ sơ dự tuyển:

- Đơn xin nhập học (theo mẫu);
- Sơ yếu lí lịch;
- Sao y bản chính Bằng tốt nghiệp và bằng diploma đại học;
- Chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu;
- Xác nhận kinh nghiệm công tác hoặc hợp đồng lao động đối với ứng viên cần đáp ứng yêu cầu này;
- Giấy khám sức khỏe;
- Căn cước công dân (photo);
- Thư giới thiệu (nếu có);
- 04 ảnh 3x4.

### 4. Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:

Thời gian	Đợt 2
Nộp hồ sơ	8h00 ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 30/08/2023
Xét tuyển thẳng	Trước 17h00 ngày 08/09/2023
Tổ chức phỏng vấn	Trước ngày 18/09/2023
Nhập học	Tháng 10/2023

Ứng viên đăng ký xét tuyển tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> (công đăng kí tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN) và thực hiện xét tuyển đánh giá hồ sơ và phỏng vấn đầu vào.

**5. Lệ phí xét tuyển:** 800.000 VND (nộp cùng hồ sơ đăng kí dự tuyển và không thu thêm bất kì lệ phí khác)

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tiếp tại Trường Quốc tế hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Trường Quốc tế - ĐHQGHN theo thông tin sau:

- Tên tài khoản: **Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội**
- Số tài khoản: **0711 000 305888**
- Ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân**
- Nội dung chuyển tiền ghi rõ: **Họ tên thí sinh, ngày sinh, ngành ứng tuyển**

#### **6. Học phí:**

- Học phí năm học 2023 - 2024 là 52.875.000 VNĐ (Năm mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Lộ trình tăng học phí hàng năm tối đa là 12,5% so với năm học trước (theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ).

- Mức học phí trên không bao gồm kinh phí học bổ sung, chuyên đổi kiến thức, phí thi lại, phí học lại, phí gia hạn thời gian, phí bảo vệ luận án,... (khi học viên không đảm bảo đúng tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo).

#### **Thông tin liên hệ:**

**Văn phòng tuyển sinh Sau đại học, Trường Quốc tế - ĐHQGHN**

Tầng 2, Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: (024) 367 20 999

Hotline: 0866587468

Website: <https://www.is.vnu.edu.vn/>

Email: [tuyensinhthacsi@vnuis.edu.vn](mailto:tuyensinhthacsi@vnuis.edu.vn)

#### **Nơi nhận:**

- ĐHQGHN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Website Trường Quốc tế;
- HĐTS SDH (để thực hiện);
- Lưu: VT, SDH, T3.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Anh Hòa**



## Phụ lục 1

### Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

#### Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Aptis ESOL	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	B1	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B2	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)
Bậc 5	7.0	95 iBT	C1	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	VSTEP.3-5 (8.5)

**Ghi chú:** (\*) Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được; trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CDR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên. Đại học Quốc gia Hà Nội không công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./.

## Phụ lục 2

### Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

#### 1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ Tiếng Anh
1	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√
2	Trường Đại học Hà Nội	√
3	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Huế	√
4	Trường Đại học SP TP. Hồ Chí Minh	√
5	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√
7	Đại học Bách khoa Hà Nội	√
8	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	√
9	Đại học Thái Nguyên	√
10	Trường Đại học Cần Thơ	√
11	Trường Đại học Nam Cần Thơ	√
12	Trường Đại học Vinh	√
13	Học viện An ninh nhân dân	√
14	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	√
15	Trường Đại học Thương mại	√
16	Trường Đại học Ngoại thương	√
17	Học viện Khoa học quân sự	√
18	Học viện Cảnh sát nhân dân	√
19	Trường Đại học Quy Nhơn	√
20	Trường Đại Học Tây Nguyên	√
21	Trường Đại học Sài Gòn	√
22	Trường Đại học Văn Lang	√
23	Trường Đại học Trà Vinh	√
24	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	√
25	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM	√
26	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	√
27	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	√

Ghi chú: (\*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.

## 2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1	Educational Testing Service (ETS)		√		
2	British Council (BC)	√			
3	International Development Program (IDP)	√			
4	Cambridge ESOL	√		√	
5	Aptis ESOL International Certificate (được cấp từ ngày 16 tháng 11 năm 2022 bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT)				√